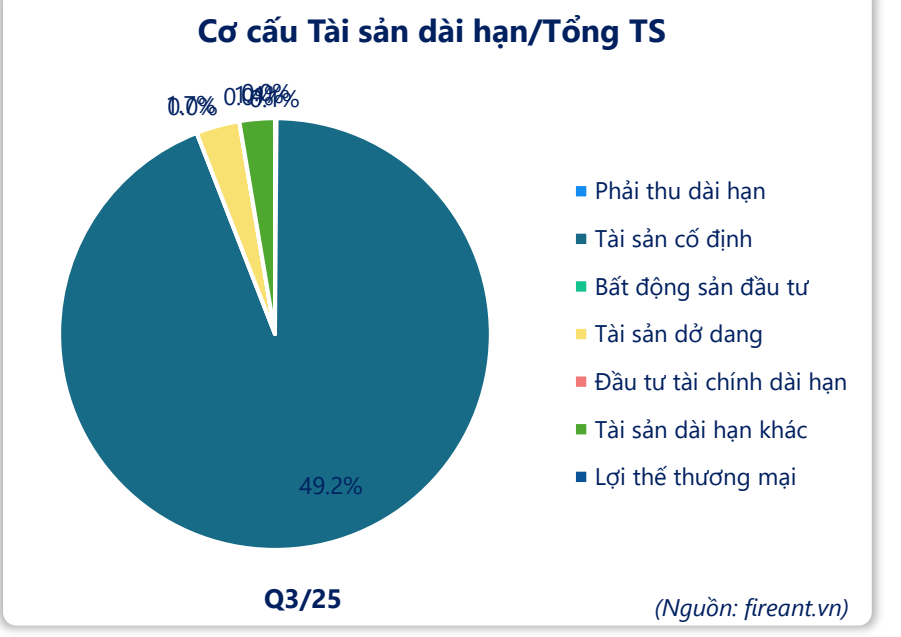
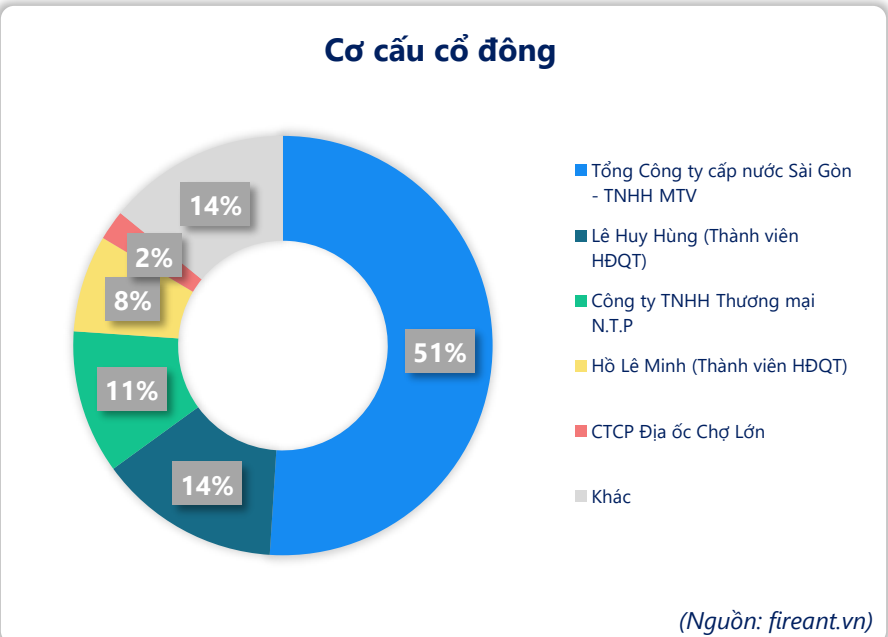
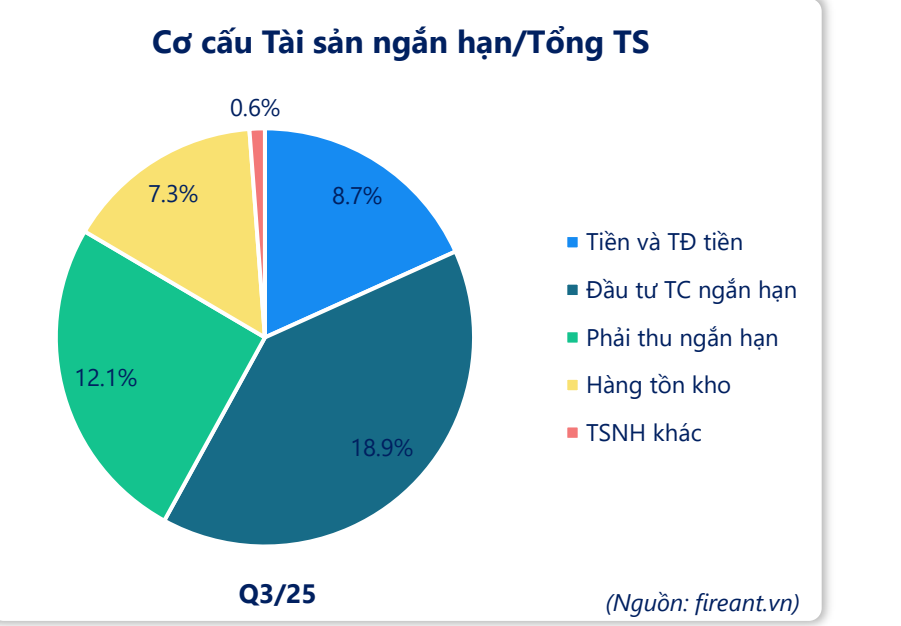
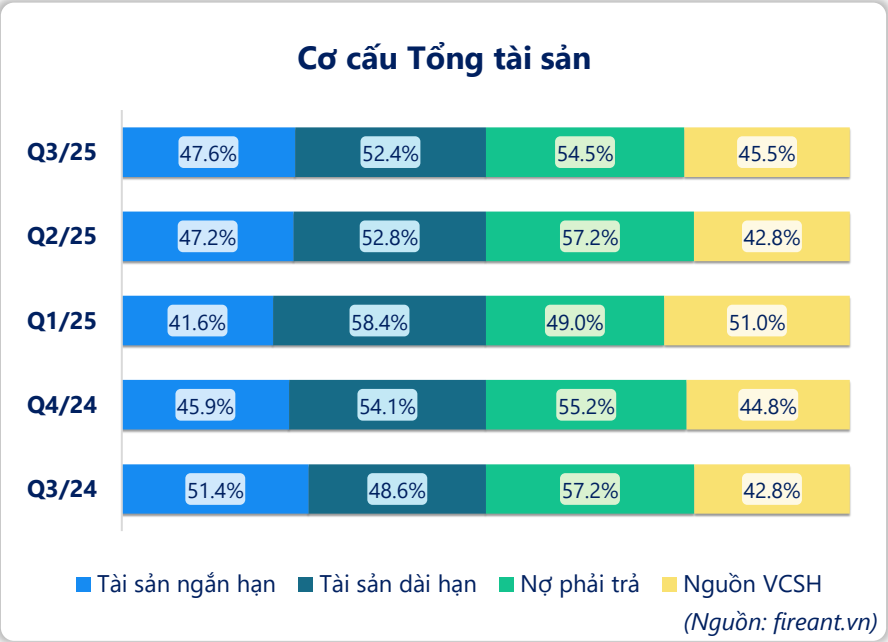
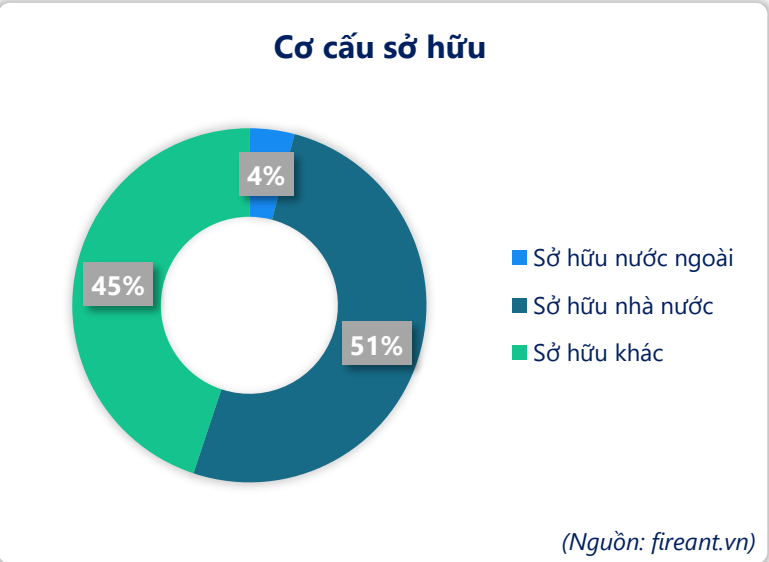
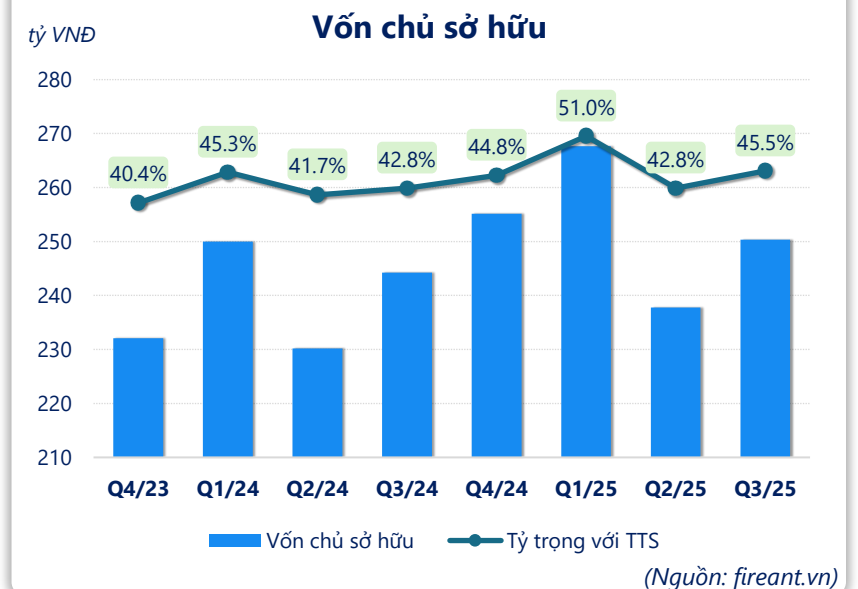
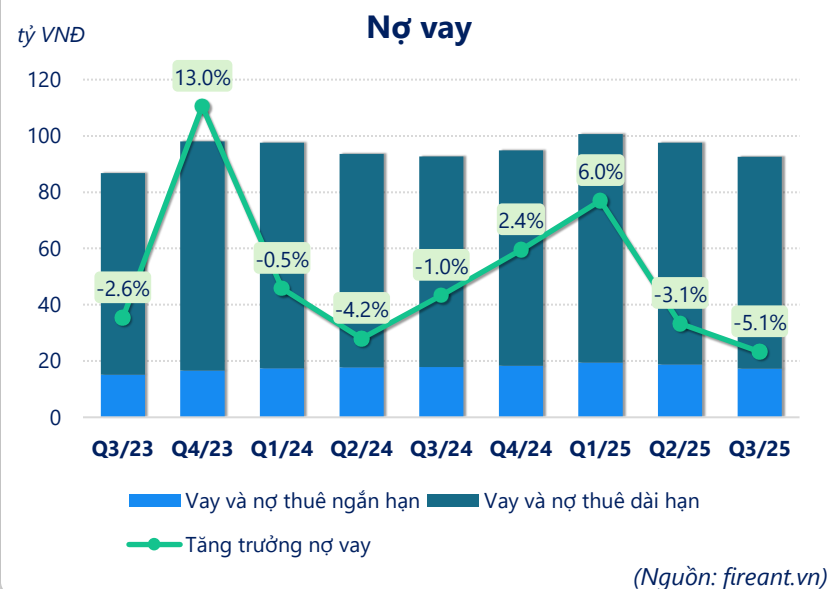
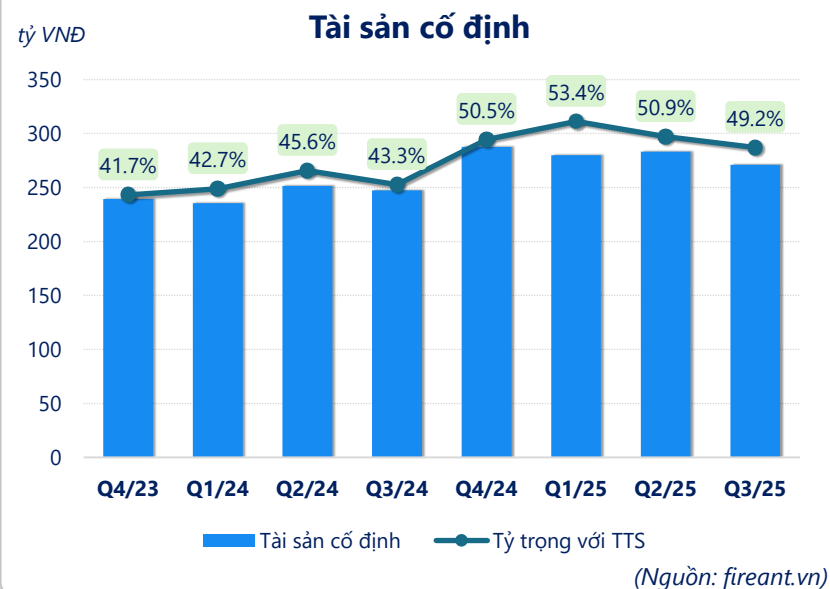
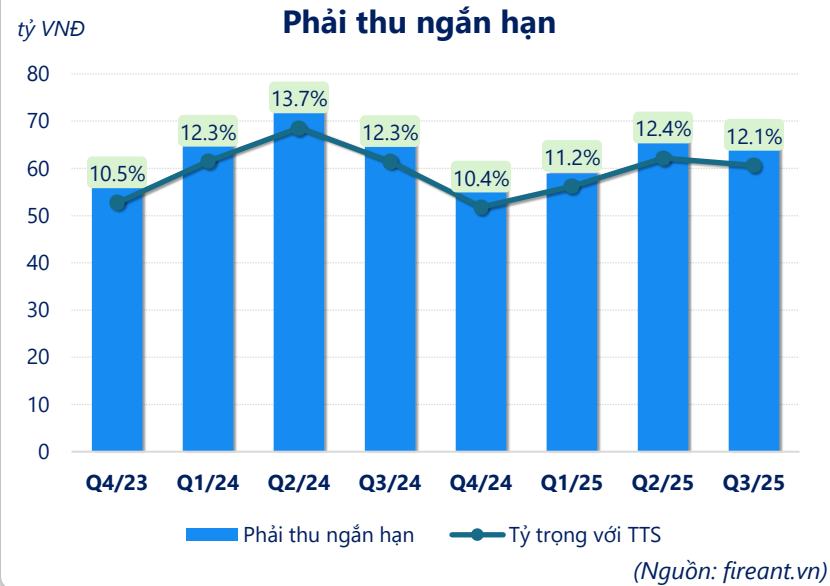
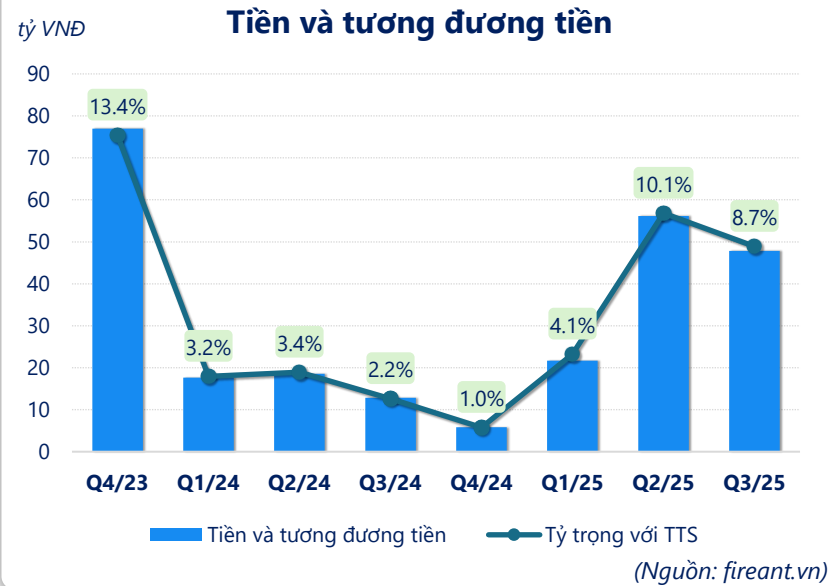
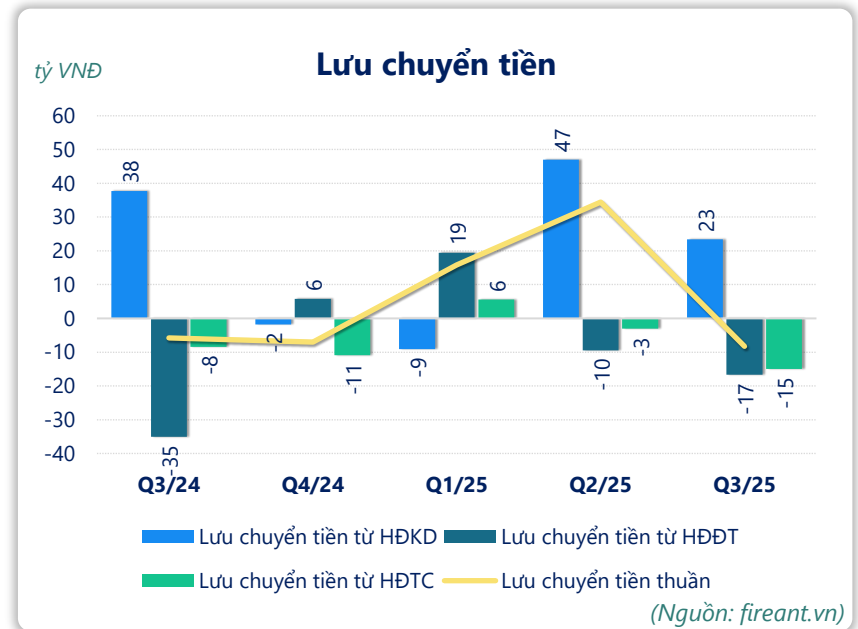
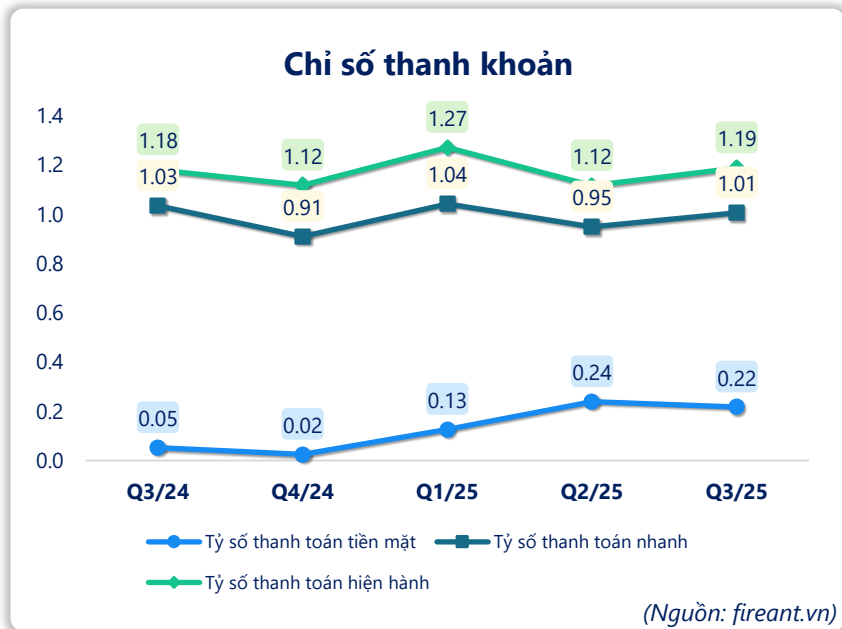
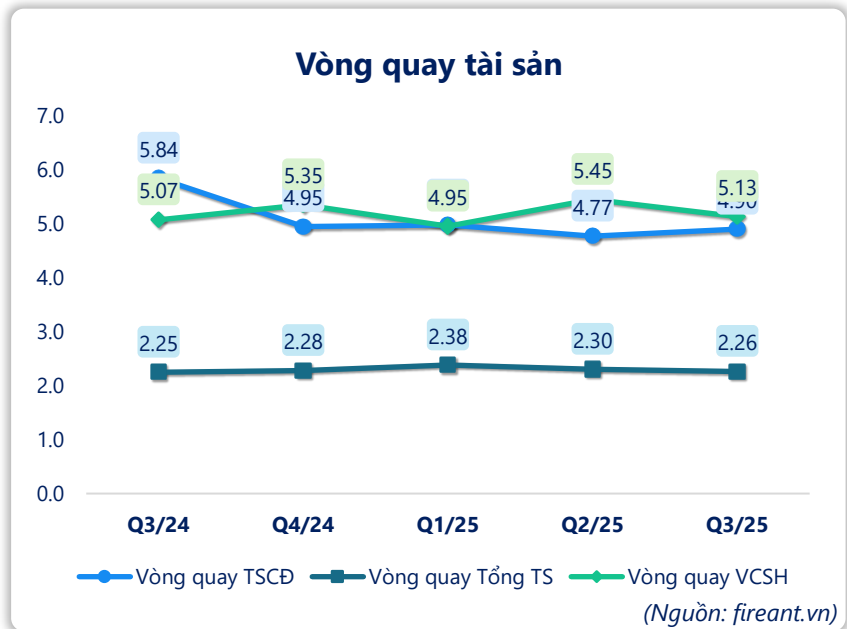
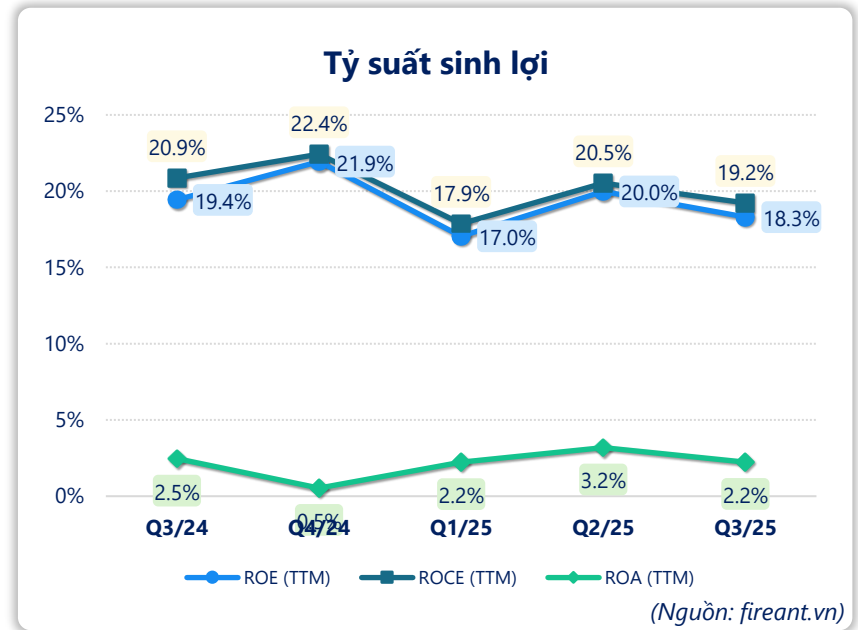
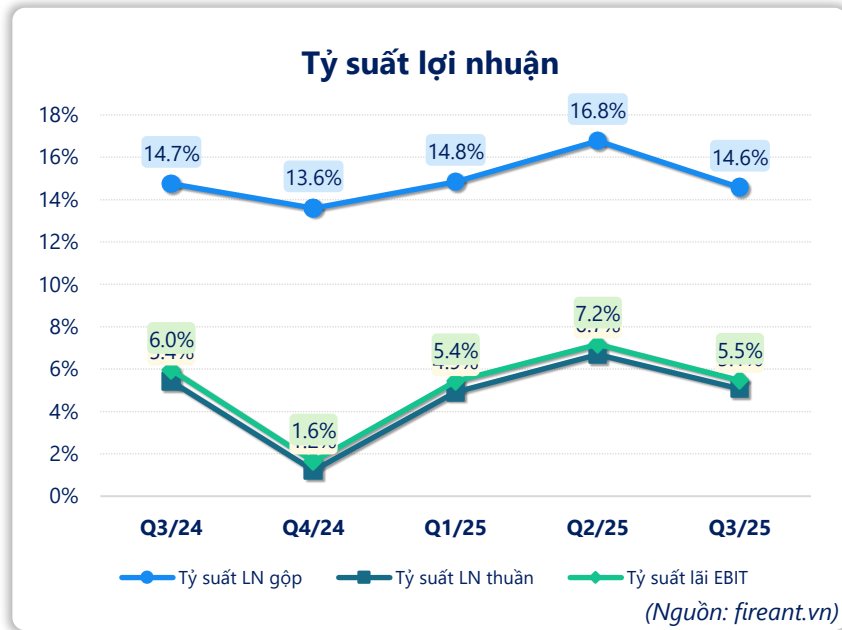
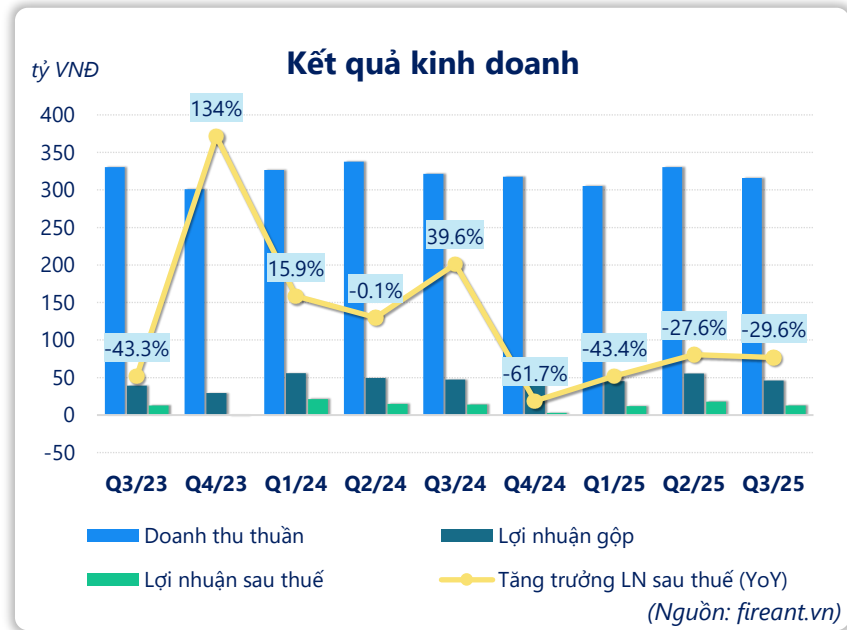


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		50,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		55,111
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		37,674
SL cổ phiếu LH		13,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		140
% sở hữu nước ngoài		4.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		653
P/E		14.4
EPS		3,480

	YTD	1T	3T	6T
CLW	24.3%	5.5%	24.6%	12.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	550	570	-3.5%
Tài sản ngắn hạn	262	262	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	47.8	5.84	719%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	104	138	-24.7%
Phải thu ngắn hạn	66.7	58.9	13.4%
Hàng tồn kho	40.2	49.7	-19.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.11	9.68	-67.9%
Tài sản dài hạn	288	308	-6.4%
Phải thu dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Tài sản cố định	271	288	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.39	9.47	-0.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản dài hạn khác	7.63	10.5	-27.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	300	315	-4.6%
Nợ ngắn hạn	220	234	-5.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.3	18.3	-5.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.4	111	-87.1%
Nợ dài hạn	79.6	80.3	-0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	75.2	76.5	-1.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	250	256	-2.1%
Vốn chủ sở hữu	250	256	-2.1%
Vốn điều lệ	130	130	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	322	318	305	331	316
Giá vốn hàng bán	274	275	260	275	270
Lợi nhuận gộp	47.4	43.2	45.3	55.4	46.0
Doanh thu HĐTC	2.62	2.39	0.63	0.13	2.35
Chi phí TC	1.57	1.31	1.57	1.59	1.51
Chi phí lãi vay	1.57	1.31	1.57	1.59	1.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.0	10.5	9.13	10.3	9.07
Chi phí QLDN	21.0	29.9	20.2	21.6	21.8
LN thuần từ HĐKD	17.4	3.86	15.0	22.1	16.0
Lợi nhuận khác	0.19	0.06	0.01	-0.01	-0.29
LN trước thuế	17.6	3.91	15.0	22.1	15.7
Lợi nhuận sau thuế	14.1	3.07	12.0	17.6	12.6
LNST của CĐ cty mẹ	14.1	3.07	12.0	17.6	12.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	37.8	-1.82	-9.12	47.0	23.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-35.1	5.76	19.4	-9.52	-16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.41	-10.9	5.57	-3.07	-15.0
Tiền đầu kỳ	18.6	12.8	5.84	21.7	56.1
Lưu chuyển tiền thuần	-5.75	-6.98	15.8	34.4	-8.27
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.8	5.84	21.7	56.1	47.8

(Nguồn: fireant.vn)